

Phụ lục I

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ, THỰC TẬP NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT

ngày 22 tháng 09 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

I. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN NGHIỆP VỤ VÀ ĐĂNG KIỂM VIÊN

Lãnh đạo đơn vị đăng kiểm, đăng kiểm viên và nhân viên nghiệp vụ công tác tại đơn vị đăng kiểm phải được tập huấn theo chương trình do Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức theo quy định tại Phụ lục này.

1.1. Đối với Nhân viên nghiệp vụ

a) Giới thiệu về tổ chức Đăng kiểm Việt Nam, đạo đức nghề nghiệp, quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm.

b) Tập huấn văn bản quy phạm pháp luật về các quy định, hướng dẫn nghiệp vụ; yêu cầu về hồ sơ kiểm định; quản lý hồ sơ, báo cáo, truyền số liệu kiểm định.

c) Hướng dẫn sử dụng các chương trình, phần mềm quản lý có liên quan.

1.2. Đối với Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III

a) Giới thiệu về tổ chức Đăng kiểm Việt Nam; đạo đức nghề nghiệp; quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

b) Tập huấn văn bản quy phạm pháp luật: Các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa liên quan đến công việc của Đăng kiểm viên hạng III.

c) Hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy định và thực hiện kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa theo chuyên ngành vỏ tàu thủy hoặc máy tàu thủy trong đóng mới, lần đầu, chu kỳ, bất thường cho phương tiện thủy nội địa chở hàng khô có chiều dài dưới 20 m, tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến dưới 50 sức ngựa; phương tiện chở từ 5 đến 12 người và có tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến dưới 50 sức ngựa.

d) Hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy định và thực hiện kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa theo chuyên ngành vỏ tàu thủy hoặc máy tàu thủy trong đóng mới, hoán cải, sửa chữa, lần đầu, chu kỳ, bất thường cho phương tiện thủy nội địa chở hàng khô có trọng tải dưới 200 tấn, tổng công suất máy chính dưới 135 sức ngựa, các loại tàu kéo, tàu đẩy, tàu công trình có chiều dài dưới 10 m, phương tiện chở dưới 50 người tổng công suất máy chính dưới 135 sức ngựa (trừ phà có trọng tải từ 50 tấn trở lên, tàu cấp VR-SB, tàu hai thân, tàu chở công te nơ, tàu cao tốc, tàu đệm khí, tàu cánh ngầm, tàu dầu, tàu chở hóa chất nguy hiểm, tàu chở khí hóa lỏng).

đ) Hướng dẫn sử dụng thiết bị kiểm định và các chương trình, phần mềm quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

e) Học viên phải thực hành đăng kiểm phương tiện thủy nội địa tại các đơn vị đăng kiểm theo quy định.

1.3. Đối với Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng II

a) Giới thiệu về tổ chức Đăng kiểm Việt Nam; đạo đức nghề nghiệp; quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

b) Tập huấn văn bản quy phạm pháp luật: các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa liên quan đến công việc của Đăng kiểm viên hạng II.

c) Hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy định và hướng dẫn thực hiện kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa theo chuyên ngành vỏ tàu thủy hoặc máy tàu thủy trong đóng mới, hoán cải, sửa chữa, lần đầu, chu kỳ, bất thường cho phương tiện thủy nội địa (trừ tàu hàng có trọng tải từ 2000 tấn trở lên; tàu dầu loại II có trọng tải từ 1000 tấn trở lên, tàu dầu loại I và tàu cấp VR-SB có trọng tải toàn phần từ 500 tấn trở lên, tàu khách có chiều dài từ 50 m trở lên, tàu đệm khí, tàu chở hóa chất nguy hiểm, tàu chở khí hóa lỏng); hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy định và hướng dẫn thực hiện kiểm tra sản phẩm công nghiệp.

d) Hướng dẫn sử dụng thiết bị kiểm định và các chương trình, phần mềm quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

đ) Học viên phải thực hành đăng kiểm phương tiện thủy nội địa tại các đơn vị đăng kiểm theo quy định.

1.4. Đối với Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng I

a) Giới thiệu về tổ chức Đăng kiểm Việt Nam; đạo đức nghề nghiệp; quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

b) Tập huấn văn bản quy phạm pháp luật: các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa liên quan đến công việc của Đăng kiểm viên hạng I.

c) Hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy định và hướng dẫn thực hiện kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa theo chuyên ngành vỏ tàu thủy hoặc máy tàu thủy trong đóng mới, lần đầu, hoán cải, sửa chữa, chu kỳ, bất thường cho tất cả phương tiện thủy nội địa; Hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy định và thực hiện kiểm tra sản phẩm công nghiệp; hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy định và thực hiện kiểm tra các chuyên môn khác có liên quan.

d) Hướng dẫn sử dụng thiết bị kiểm định và các chương trình, phần mềm quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

đ) Học viên phải thực hành đăng kiểm phương tiện thủy nội địa tại các đơn vị đăng kiểm theo quy định.

1.5 Đối với Đăng kiểm viên thẩm định thiết kế

a) Giới thiệu về tổ chức Đăng kiểm Việt Nam; đạo đức nghề nghiệp; quy định về trách nhiệm và xử lý vi phạm trong công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

b) Tập huấn văn bản quy phạm pháp luật: các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

c) Hướng dẫn thẩm định thiết kế trong đóng mới, hoán cải, sửa chữa phương tiện và chế tạo sản phẩm công nghiệp theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy phạm, và các hướng dẫn nghiệp vụ có liên quan.

d) Hướng dẫn sử dụng các chương trình, phần mềm quản lý đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC TẬP NGHIỆP VỤ ĐỐI VỚI ĐĂNG KIỂM VIÊN

Đăng kiểm viên phải thực tập nghiệp vụ tại đơn vị đăng kiểm theo nội dung quy định tại Phụ lục này. Thủ trưởng đơn vị đăng kiểm phân công Đăng kiểm viên hướng dẫn Đăng kiểm viên thực tập thực hiện đầy đủ nội dung dưới đây.

2.1. Thực tập nghiệp vụ của Đăng kiểm viên thực hiện kiểm tra

2.1.1 Thực tập nghiệp vụ kiểm tra đóng mới phương tiện thủy nội địa

Đăng kiểm viên thực tập theo chuyên ngành đầy đủ nội dung đăng kiểm phương tiện thủy nội địa trong đóng mới, sửa chữa theo chương trình tập huấn, theo các cỡ, vật liệu, công dụng, theo phạm vi thực hiện của từng hạng đăng kiểm viên quy định tại các Điều 11, 12 và 13 của Thông tư này. Đăng kiểm viên thực tập phải thực hiện:

- Quan sát đăng kiểm viên hướng dẫn thực hiện, mỗi nội dung tối thiểu 03 lần của 03 phương tiện khác nhau.

- Thực hành có hướng dẫn của Đăng kiểm viên hướng dẫn mỗi nội dung tối thiểu 03 lần của 03 phương tiện khác nhau.

- Thực hành độc lập mỗi nội dung tối thiểu 03 lần của 03 phương tiện khác nhau có sự chứng kiến của Đăng kiểm viên hướng dẫn.

a) Các hạng mục thực tập phần vỏ tàu đóng mới của Đăng kiểm viên hạng III kiểm tra các phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN25: 2010/BGTVT, bao gồm: phương tiện chở hàng có động cơ có tổng

công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến dưới 50 sức ngựa, phương tiện chở người có sức chở từ 5 đến 12 người và có tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến dưới 50 sức ngựa.

TT	Chủ đề thực tập
1	Kiểm tra lắp ráp khung xương
2	Kiểm tra lắp ráp vỏ
3	Kiểm tra hàn thân tàu
4	Kiểm tra thử kín nước hoặc kín dầu các két chứa, các cửa kín nước, các hộp van thông sông
5	Đo các kích thước chính của tàu, kẻ đường nước chở hàng, gắn dấu mạn khô thước nước
6	Kiểm tra trang thiết bị
7	Đo và xác định dung tích trọng tải, thể tích chiếm nước của tàu
8	Kiểm tra trước khi hạ thủy
9	Thử đường dài
10	Gắn số kiểm soát, tem kiểm định lên tàu

b) Các hạng mục thực tập phần vỏ tàu đóng mới của Đăng kiểm viên hạng III đối với phương tiện thủy nội địa có trọng tải toàn phần dưới 200 tấn, phương tiện thủy nội địa có động cơ tổng công suất máy chính dưới 135 sức ngựa, phương tiện thủy nội địa có sức chở dưới 50 người (trừ phà có trọng tải toàn phần từ 50 tấn trở lên, tàu cấp VR-SB, tàu hai thân, tàu chở công te nơ, tàu có thiết bị nâng có sức nâng trên 01 tấn; tàu cao tốc; tàu đệm khí, tàu cánh ngầm, tàu dầu, tàu chở hóa chất nguy hiểm, tàu chở khí hóa lỏng).

TT	Chủ đề thực tập
1	Kiểm tra phóng dạng tàu trên sàn phóng
2	Kiểm tra sự phù hợp giữa vật liệu thực tế và thiết kế được duyệt
3	Kiểm tra các chi tiết, các cụm chi tiết và lắp ráp khung xương
4	Kiểm tra lắp ráp vỏ
5	Kiểm tra hàn thân tàu
6	Kiểm tra thử kín nước hoặc kín dầu các két chứa, các cửa kín nước, các hộp van thông sông
7	Đo các kích thước chính của tàu, kẻ đường nước chở hàng, gắn dấu mạn khô thước nước
8	Kiểm tra các trang thiết bị

TT	Chủ đề thực tập
9	Đo và xác định dung tích trọng tải, thể tích chiếm nước của tàu
10	Kiểm tra trước khi hạ thủy
11	Giám sát và duyệt kết quả thử nghiêng
12	Thử tại bến
13	Thử đường dài
14	Gắn số kiểm soát, tem kiểm định lên tàu

c) Các hạng mục thực tập phần vỏ tàu đóng mới của Đăng kiểm viên hạng II đối với tất cả các loại phương tiện thủy nội địa (trừ tàu hàng có trọng tải toàn phần từ 2000 tấn trở lên, tàu dầu loại II có trọng tải toàn phần từ 1000 tấn trở lên, tàu dầu loại I có trọng tải toàn phần từ 500 tấn trở lên, tàu hàng cấp VR-SB có trọng tải toàn phần từ 500 tấn trở lên hoặc tàu khách cấp VR-SB có sức chở từ 50 người trở lên, tàu đệm khí, tàu chở hóa chất nguy hiểm, tàu chở khí hóa lỏng).

TT	Chủ đề thực tập
1	Kiểm tra phóng dạng tàu trên sàn phóng
2	Kiểm tra vật liệu
3	Kiểm tra các chi tiết, các cụm chi tiết
4	Kiểm tra lắp ráp khung xương
5	Kiểm tra lắp ráp tôn vỏ
6	Kiểm tra lắp ráp các phân đoạn, tổng đoạn
7	Kiểm tra đấu lắp các tổng đoạn
8	Kiểm tra chất lượng hàn thân tàu, kể cả kiểm tra không phá hủy
9	Kiểm tra thử thủy lực, thử kín nước hoặc kín dầu các két chứa, các cửa kín nước, các hộp van thông sông, thử không phá hủy
10	Kiểm tra đo các kích thước chính của tàu, kể đường nước chở hàng, gắn dấu mạn khô thước nước
11	Kiểm tra lắp đặt thiết bị lái, thiết bị neo, chân vịt, các lỗ thoát nước đáy, mạn tàu và trang thiết bị phần chìm khác
12	Kiểm tra các trang thiết bị
13	Kiểm tra trang thiết bị vô tuyến điện
14	Kiểm tra kết cấu chống cháy
15	Đo và xác định dung tích, trọng tải, thể tích chiếm nước của tàu
16	Kiểm tra trước khi hạ thủy
17	Giám sát và duyệt kết quả thử nghiêng

TT	Chủ đề thực tập
18	Thử tại bến
19	Thử đường dài
20	Gắn số kiểm soát, tem kiểm định lên tàu

d) Các hạng mục thực tập phần vỏ tàu đóng mới của Đăng kiểm viên hạng I

TT	Chủ đề thực tập
1	Kiểm tra phóng dạng tàu trên sàn phóng
2	Kiểm tra vật liệu
3	Kiểm tra các chi tiết, các cụm chi tiết
4	Kiểm tra lắp ráp khung xương
5	Kiểm tra lắp ráp tôn vỏ
6	Kiểm tra lắp ráp các phân đoạn, tổng đoạn
7	Kiểm tra đấu lắp các tổng đoạn
8	Kiểm tra chất lượng hàn thân tàu, kể cả kiểm tra không phá hủy
9	Kiểm tra thử thủy lực, thử kín nước hoặc kín dầu các két chứa, các cửa kín nước, các hộp van thông sông, thử không phá hủy
10	Kiểm tra đo các kích thước chính của tàu, kể đường nước chở hàng, gắn dấu mạn khô thước nước
11	Kiểm tra lắp đặt thiết bị lái, thiết bị neo, chân vịt, các lỗ thoát nước đáy, mạn tàu và trang thiết bị phân chìm khác
12	Kiểm tra các trang thiết bị
13	Kiểm tra trang thiết bị vô tuyến điện
14	Kiểm tra kết cấu chống cháy
15	Đo và xác định dung tích trọng tải, thể tích chiếm nước của tàu
16	Kiểm tra trước khi hạ thủy
17	Giám sát và duyệt kết quả thử nghiệm
18	Thử tại bến
19	Thử đường dài
20	Gắn số kiểm soát, tem kiểm định lên tàu
21	Kiểm tra kết cấu của tàu dầu
22	Kiểm tra kết cấu tàu chở hóa chất nguy hiểm
23	Kiểm tra kết cấu tàu chở khí hóa lỏng
24	Kiểm tra kết cấu tàu đệm khí

e) Các hạng mục thực tập phần máy tàu và điện tàu trong đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi của Đăng kiểm viên hạng III đối với các phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN25: 2010/BGTVT, bao gồm: phương tiện chở hàng có động cơ có tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến dưới 50 sức ngựa, phương tiện chở người có sức chở từ 5 đến 12 người và có tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến dưới 50 sức ngựa.

TT	Chủ đề thực tập
1.	Kiểm tra máy chính, máy phụ, thử hoạt động
2	Thử hoạt động các bơm và hệ thống ống
3	Kiểm tra trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm
4	Kiểm tra các trang thiết bị điện

g) Các hạng mục thực tập phần máy tàu và điện tàu trong đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi của Đăng kiểm viên hạng III đối với phương tiện thủy nội địa có trọng tải toàn phần dưới 200 tấn, phương tiện thủy nội địa có động cơ tổng công suất máy chính dưới 135 sức ngựa, phương tiện thủy nội địa có sức chở dưới 50 người (trừ phà có trọng tải toàn phần từ 50 tấn trở lên, tàu cấp VR-SB, tàu hai thân, tàu chở công te nơ, tàu có thiết bị nâng có sức nâng trên 01 tấn, tàu cao tốc, tàu đệm khí, tàu cánh ngầm, tàu dầu, tàu chở hóa chất nguy hiểm, tàu chở khí hóa lỏng).

TT	Chủ đề thực tập
1	Kiểm tra lắp đặt máy chính, máy phụ
2	Kiểm tra chế tạo hệ trục
3	Kiểm tra lắp đặt hệ trục chân vịt
4	Kiểm tra lắp đặt chân vịt
5	Thử thủy lực, thử kín hệ thống đường ống sau khi đã lắp đặt trên tàu
6	Thử hoạt động các bơm trên tàu
7	Kiểm tra, thử máy lái
8	Kiểm tra trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm
9	Kiểm tra thử hệ thống máy tàu tại bến
10	Thử đường dài phần máy tàu
11	Kiểm tra thiết bị điện
12.	Thử máy phát điện, thử các bảng điện, hệ thống điện sự cố
13	Thử các thiết bị thông tin liên lạc trên tàu và các thiết bị tín hiệu

h) Các hạng mục thực tập phần máy và điện tàu trong đóng mới, hoán cải, sửa chữa, phục hồi của Đăng kiểm viên hạng II đối với tất cả các loại phương tiện thủy nội địa (trừ tàu hàng có trọng tải toàn phần từ 2000 tấn trở lên, tàu dầu loại II có trọng tải toàn phần từ 1000 tấn trở lên, tàu dầu loại I có trọng tải toàn phần từ 500 tấn trở lên, tàu hàng cấp VR-SB có trọng tải toàn phần từ 500 tấn trở lên hoặc tàu khách cấp VR-SB có sức chở từ 50 người trở lên, tàu đệm khí, tàu chở hóa chất nguy hiểm, tàu chở khí hóa lỏng).

TT	Chủ đề thực tập
1	Kiểm tra lắp đặt máy chính, máy phụ
2	Kiểm tra chế tạo hệ trục
3	Kiểm tra lắp đặt hệ trục chân vịt
4	Kiểm tra lắp đặt chân vịt
5	Thử thủy lực, thử kín hệ thống đường ống sau khi đã lắp đặt trên tàu
6	Thử thiết bị an toàn nồi hơi
7	Thử bình áp lực
8	Thử hoạt động các bơm trên tàu
9	Kiểm tra, thử máy lái
10	Kiểm tra và thử hệ thống lạnh
11	Kiểm tra trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm
12	Thử hoạt động các thiết bị điều khiển từ xa các thiết bị đóng các lỗ khoét, thiết bị điều khiển từ xa của cơ cấu, các thiết bị điều khiển tự động, thiết bị lái, thiết bị chằng buộc, đường ống...
13	Kiểm tra hệ thống làm hàng trên các tàu dầu
14	Kiểm tra thử hệ thống máy tàu tại bến
15	Thử đường dài phần máy tàu
16	Kiểm tra thiết bị điện
17	Thử máy phát điện, thử các bảng điện
18	Thử hệ thống điện sự cố
19	Thử hệ thống kiểm soát và thiết bị báo động
20	Thử các thiết bị thông tin liên lạc trên tàu và các thiết bị tín hiệu
21	Thử các thiết bị điều khiển từ xa của máy chính
22	Kiểm tra, thử hoạt động thiết bị vô tuyến điện, trang bị hàng giang, hàng hải
23	Kiểm tra máy tàu cao tốc
24	Kiểm tra máy tàu của tàu dầu loại II có trọng tải dưới 1000 tấn

TT	Chủ đề thực tập
25	Kiểm tra máy tàu của tàu dầu loại I có trọng tải dưới 500 tấn

i) Các hạng mục thực tập phần máy tàu và điện tàu trong đóng mới của Đăng kiểm viên hạng I

TT	Chủ đề thực tập
1	Kiểm tra lắp đặt máy chính, máy phụ
2	Kiểm tra chế tạo hệ trục
3	Kiểm tra lắp đặt hệ trục chân vịt
4	Kiểm tra lắp đặt chân vịt
5	Thử thủy lực, thử kín hệ thống đường ống sau khi đã lắp đặt trên tàu
6	Thử thiết bị an toàn nổi hơi
7	Thử bình áp lực
8	Thử hoạt động các bơm trên tàu
9	Kiểm tra, thử máy lái
10	Kiểm tra và thử hệ thống lạnh
11	Kiểm tra trang thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm
12	Thử hoạt động các thiết bị điều khiển từ xa các thiết bị đóng các lỗ khoét, thiết bị điều khiển từ xa của cơ cấu, các thiết bị điều khiển tự động, thiết bị lái, thiết bị chằng buộc, đường ống...
13	Kiểm tra hệ thống làm hàng trên các tàu dầu, chở khí hóa lỏng, tàu chở hóa chất nguy hiểm
14	Kiểm tra thử hệ thống máy tàu tại bến
15	Thử đường dài phần máy tàu
16	Kiểm tra thiết bị điện
17	Thử máy phát điện, thử các bảng điện
18	Thử hệ thống điện sự cố
19	Thử hệ thống kiểm soát và thiết bị báo động
20	Thử các thiết bị thông tin liên lạc trên tàu và các thiết bị tín hiệu
21	Thử các thiết bị điều khiển từ xa của máy chính
22	Kiểm tra, thử hoạt động thiết bị vô tuyến điện, trang bị hàng giang, hàng hải
23	Kiểm tra máy tàu cao tốc
24	Kiểm tra máy tàu của tàu dầu loại II từ 1000 tấn trở lên

TT	Chủ đề thực tập
25	Kiểm tra máy tàu của tàu dầu loại I có trọng tải từ 500 tấn trở lên
26	Kiểm tra máy của tàu chở khí hóa lỏng
27	Kiểm tra máy của tàu chở hóa chất nguy hiểm
28	Kiểm tra máy của tàu đệm khí

2.1.2. Thực tập nghiệp vụ kiểm tra phương tiện thủy nội địa trong khai thác

Thực tập theo chuyên ngành đầy đủ nội dung các loại hình kiểm tra của phương tiện thủy nội địa đang khai thác theo chương trình tập huấn, theo các cỡ loại, vật liệu, công dụng quy định tại phạm vi thực hiện của từng hạng đăng kiểm viên quy định tại các Điều 11, 12 và 13 của Thông tư này. Đăng kiểm viên thực tập phải thực hiện:

- Quan sát đăng kiểm viên hướng dẫn thực hiện, mỗi nội dung của một loại hình kiểm tra tối thiểu 03 lần của 03 phương tiện khác nhau.

- Thực hành có hướng dẫn của Đăng kiểm viên hướng dẫn mỗi nội dung của một loại hình kiểm tra tối thiểu 03 lần của 03 phương tiện khác nhau.

- Thực hành độc lập mỗi nội dung của một loại hình kiểm tra tối thiểu 03 lần của 03 phương tiện khác nhau có sự chứng kiến của Đăng kiểm viên hướng dẫn.

a) Hạng mục thực tập nghiệp vụ kiểm tra phương tiện thủy nội địa trong khai thác của Đăng kiểm viên hạng III đối với các phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN25: 2010/BGTVT, bao gồm: phương tiện chở hàng có động cơ có tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến dưới 50 sức ngựa, phương tiện chở người có sức chở từ 5 đến 12 người và có tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến dưới 50 sức ngựa.

TT	Chủ đề thực tập
1	Kiểm tra lần đầu thân tàu và trang thiết bị
2	Kiểm tra trên đà thân tàu và trang thiết bị
3	Kiểm tra hàng năm thân tàu và trang thiết bị
4	Kiểm tra lần đầu hệ thống máy tàu, điện tàu
5	Kiểm tra hàng năm hệ thống máy tàu, điện tàu
6	Kiểm tra tai nạn, hư hỏng thân tàu, máy tàu

b) Hạng mục thực tập nghiệp vụ kiểm tra phương tiện thủy nội địa trong khai thác của Đăng kiểm viên hạng III đối với phương tiện thủy nội địa có trọng tải toàn phần dưới 200 tấn, phương tiện thủy nội địa có động cơ tổng công suất máy chính

dưới 135 sức ngựa, phương tiện thủy nội địa có sức chở dưới 50 người (trừ phà có trọng tải toàn phần từ 50 tấn trở lên, tàu cấp VR-SB, tàu hai thân, tàu chở công te nơ, tàu có thiết bị nâng có sức nâng trên 01 tấn, tàu cao tốc, tàu đệm khí, tàu cánh ngầm, tàu dầu, tàu chở hóa chất nguy hiểm, tàu chở khí hóa lỏng).

TT	Chủ đề thực tập
1	Kiểm tra lần đầu thân tàu và trang thiết bị
2	Kiểm tra định kỳ thân tàu và trang thiết bị
3	Kiểm tra trên đà thân tàu và trang thiết bị
4	Kiểm tra hàng năm thân tàu và trang thiết bị
5	Kiểm tra lần đầu hệ thống máy tàu, điện tàu
6	Kiểm tra định kỳ hệ thống máy tàu, điện tàu
7	Kiểm tra hàng năm hệ thống máy tàu, điện tàu
8	Kiểm tra trang bị hàng giang, trang bị an toàn, tín hiệu
9	Kiểm tra trục chân vịt và ống bao trục
10	Khảo sát sửa chữa thân tàu
11	Đo chiều dày tôn vỏ và kết cấu tàu
12	Kiểm tra tai nạn, hư hỏng thân tàu
13	Kiểm tra tai nạn, hư hỏng hệ thống máy tàu
14	Kiểm tra tàu chở khách

c) Hạng mục thực tập nghiệp vụ kiểm tra phương tiện thủy nội địa trong khai thác của Đăng kiểm viên hạng II đối với tất cả các loại phương tiện thủy nội địa (trừ tàu hàng có trọng tải toàn phần từ 2000 tấn trở lên, tàu dầu loại II có trọng tải toàn phần từ 1000 tấn trở lên, tàu dầu loại I có trọng tải toàn phần từ 500 tấn trở lên, tàu hàng cấp VR-SB có trọng tải toàn phần từ 500 tấn trở lên hoặc tàu khách cấp VR-SB có sức chở từ 50 người trở lên, tàu đệm khí, tàu chở hóa chất nguy hiểm, tàu chở khí hóa lỏng).

TT	Chủ đề thực tập
1	Kiểm tra lần đầu thân tàu và trang thiết bị
2	Kiểm tra định kỳ thân tàu và trang thiết bị
3	Kiểm tra trên đà thân tàu và trang thiết bị
4	Kiểm tra hàng năm, trung gian thân tàu và trang thiết bị
5	Kiểm tra lần đầu hệ thống máy tàu, điện tàu

TT	Chủ đề thực tập
6	Kiểm tra định kỳ hệ thống máy tàu, điện tàu
7	Kiểm tra hàng năm, trung gian hệ thống máy tàu, điện tàu
8	Kiểm tra thiết bị vô tuyến điện
9	Kiểm tra trang bị hàng giang, trang bị an toàn, tín hiệu
10	Kiểm tra trục chân vịt và ống bao trục
11	Kiểm tra trang bị tự động hóa
12	Khảo sát sửa chữa thân tàu
13	Đo chiều dày tôn vỏ và kết cấu tàu
14	Kiểm tra tai nạn, hư hỏng thân tàu
15	Kiểm tra tai nạn, hư hỏng hệ thống máy tàu
16	Kiểm tra tàu chở khách
17	Kiểm tra tàu vỏ nhôm
18	Kiểm tra tàu cốt sợi thủy tinh
19	Kiểm tra tàu vật liệu khác
20	Khảo sát sửa chữa thân tàu
21	Kiểm tra giám định trạng thái tàu
22	Kiểm tra tàu chở dầu loại II có trọng tải dưới 1000 tấn
23	Kiểm tra tàu chở dầu loại I, tàu cấp VR-SB có trọng tải dưới 500 tấn
24	Kiểm tra tàu cao tốc
25	Kiểm tra tàu thể thao, giải trí

d) Hạng mục thực tập nghiệp vụ kiểm tra phương tiện thủy nội địa trong khai thác của Đăng kiểm viên hạng I

TT	Chủ đề thực tập
1	Kiểm tra lần đầu thân tàu và trang thiết bị
2	Kiểm tra định kỳ thân tàu và trang thiết bị
3	Kiểm tra trên đà thân tàu và trang thiết bị
4	Kiểm tra hàng năm, trung gian thân tàu và trang thiết bị
5	Kiểm tra lần đầu hệ thống máy tàu, điện tàu
6	Kiểm tra định kỳ hệ thống máy tàu, điện tàu
7	Kiểm tra hàng năm, trung gian hệ thống máy tàu, điện tàu

TT	Chủ đề thực tập
8	Kiểm tra thiết bị vô tuyến điện
9	Kiểm tra thiết bị, trang bị hàng giang, an toàn, tín hiệu
10	Kiểm tra trục chân vịt và ống bao trục
11	Kiểm tra trang bị tự động hóa
12	Khảo sát sửa chữa thân tàu
13	Đo chiều dày tôn vỏ và kết cấu tàu
14	Kiểm tra tai nạn/hư hỏng thân tàu
15	Kiểm tra tai nạn/hư hỏng hệ thống máy tàu
16	Kiểm tra tàu chở khách
17	Kiểm tra tàu vỏ nhôm
18	Kiểm tra tàu bằng cốt sợi thủy tinh
19	Kiểm tra tàu vật liệu khác
20	Khảo sát sửa chữa thân tàu
21	Kiểm tra giám định trạng thái tàu
22	Kiểm tra tàu chở dầu (tất cả các loại)
23	Kiểm tra tàu cấp VR-SB
24	Kiểm tra tàu cao tốc
25	Kiểm tra tàu hàng có trọng tải toàn phần trên 2000 tấn
26	Kiểm tra tàu đệm khí
27	Kiểm tra tàu chở hóa chất nguy hiểm
28	Kiểm tra tàu chở khí hóa lỏng

2.1.3. Hạng mục thực tập nghiệp vụ kiểm tra và chứng nhận chất lượng sản phẩm công nghiệp tại nhà sản xuất

Đăng kiểm viên hạng I, II phải thực tập đầy đủ nội dung kiểm tra và chứng nhận chất lượng sản phẩm công nghiệp theo phạm vi thực hiện của từng hạng đăng kiểm viên quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Thông tư này. Đăng kiểm viên thực tập phải thực hiện:

- Quan sát Đăng kiểm viên hướng dẫn thực hiện, mỗi nội dung tối thiểu 03 lần của 03 phương tiện khác nhau.

- Thực hành có hướng dẫn của Đăng kiểm viên hướng dẫn mỗi nội dung tối thiểu 03 lần của 03 phương tiện khác nhau.

- Thực hành độc lập mỗi nội dung tối thiểu 03 lần của 03 phương tiện khác nhau có sự chứng kiến của Đăng kiểm viên hướng dẫn.

Hạng mục thực tập nghiệp vụ kiểm tra và chứng nhận chất lượng sản phẩm công nghiệp tại nhà sản xuất

TT	Chủ đề thực tập
1	Vật liệu
2	Máy chính
3	Máy lái điện, điện thủy lực, thủy lực
4	Máy kéo neo, tời
5.	Neo, xích neo
6	Chân vịt
7	Dây cáp thép, cáp sợi
8	Xuồng cứu sinh và thiết bị nâng hạ
9	Phao cứu sinh
10	Trục chân vịt
11	Động cơ, máy phát điện
12	Hệ thống thiết bị cứu hỏa
13	Nồi hơi
14	Bình áp lực
15	Thiết bị nâng trên tàu
16	Móc kéo
17	Vô tuyến điện và phao vô tuyến chỉ báo vị trí sự cố qua vệ tinh (S.EPIRB)

2.2. Thực tập thẩm định thiết kế của Đăng kiểm viên thẩm định thiết kế

Đăng kiểm viên thực tập phải thực tập nghiệp vụ thẩm định thiết kế tại đơn vị đăng kiểm theo nội dung quy định tại Phụ lục này. Thủ trưởng đơn vị đăng kiểm phân công Đăng kiểm viên thẩm định thiết kế hướng dẫn đăng kiểm viên thực tập thực hiện đầy đủ nội dung với các loại hình thiết kế của phương tiện thủy nội địa theo các cỡ, vật liệu, công dụng dưới đây:

- Quan sát đăng kiểm viên hướng dẫn thực hiện, mỗi nội dung của một loại hình thiết kế tối thiểu 03 lần của 03 phương tiện khác nhau.

- Thực hành có hướng dẫn của Đăng kiểm viên hướng dẫn mỗi nội dung của một loại hình thiết kế của mỗi loại phương tiện tối thiểu 03 lần.

- Thực hành độc lập mỗi một loại hình thiết kế của mỗi loại phương tiện tối thiểu 03 lần của 03 phương tiện khác nhau có sự chứng kiến của Đăng kiểm viên hướng dẫn.

2.2.1 Thực tập thẩm định thiết kế phương tiện

TT	Chủ đề thực tập Phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 25:2010/BGTVT
	Phần vỏ tàu
1	Thẩm định thiết kế kết cấu thân tàu hàng khô vỏ thép
2	Thẩm định thiết kế ổn định, mạn khô của tàu hàng khô vỏ thép
3	Thẩm định thiết kế trang thiết bị của tàu hàng khô vỏ thép
4	Thẩm định thiết kế thân tàu hàng khô vỏ gỗ với nội dung nêu tại các điểm 1, 2, 3 của Bảng này
5	Thẩm định thiết kế thân tàu hàng khô vỏ chất dẻo cốt sợi thủy tinh (FRP) với nội dung nêu tại các điểm 1, 2, 3 của Bảng này
6	Thẩm định thiết kế thân tàu vỏ nhôm với nội dung nêu tại các điểm 1, 2, 3 Bảng này
7	Thẩm định thiết kế thân tàu hàng khô vỏ xi măng lưới thép với nội dung nêu tại các điểm 1, 2, 3 của Bảng này
8	Thẩm định thiết kế thân tàu khách vỏ thép với nội dung nêu tại các điểm 1, 2, 3 của Bảng này
9	Thẩm định thiết kế thân tàu khách vỏ gỗ với nội dung nêu tại các điểm 1, 2, 3 của Bảng này
10	Thẩm định thiết kế thân tàu khách vỏ nhôm với nội dung nêu tại các điểm 1, 2, 3 Bảng này
11	Thẩm định thiết kế thân tàu khách vỏ chất dẻo cốt sợi thủy tinh (FRP) với nội dung nêu tại các điểm 1, 2, 3 của Bảng này
12	Thẩm định thiết kế thân tàu khách vỏ xi măng lưới thép với nội dung nêu tại các điểm 1, 2, 3 của Bảng này
13	Thẩm định thiết kế hoán cải tàu hàng khô, tàu khách
	Phần máy tàu
14	Thẩm định thiết kế phần máy tàu của tàu hàng khô, tàu khách vỏ thép
15	Thẩm định thiết kế phần máy tàu của tàu hàng khô, tàu khách vỏ nhôm
16	Thẩm định thiết kế phần máy tàu của tàu hàng khô, tàu khách vỏ gỗ
17	Thẩm định thiết kế phần máy tàu của tàu hàng khô, tàu khách vỏ chất dẻo cốt sợi thủy tinh
18	Thẩm định thiết kế phần máy tàu của tàu hàng khô, tàu khách vỏ xi măng lưới thép
19	Thẩm định thiết kế hoán cải phần máy tàu

TT	Chủ đề thực tập Phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 72:2013/BGTVT và các quy chuẩn kỹ thuật có liên quan
	Phần vỏ tàu
1	Thẩm định thiết kế kết cấu thân tàu hàng khô vỏ thép
2	Thẩm định thiết kế ổn định của tàu hàng khô vỏ thép
3	Thẩm định thiết kế mạn khô của tàu hàng khô vỏ thép
4	Thẩm định thiết kế trang thiết bị của tàu hàng khô vỏ thép
5	Thẩm định thiết kế thân tàu hàng khô vỏ gỗ (kết cấu, ổn định, mạn khô, trang thiết bị)
6	Thẩm định thiết kế thân tàu vỏ chất dẻo cốt sợi thủy tinh (FRP) (kết cấu, ổn định, mạn khô, trang thiết bị)
7	Thẩm định thiết kế thân tàu vỏ nhôm (kết cấu, ổn định, mạn khô, trang thiết bị)
8	Thẩm định thiết kế thân tàu hàng khô vỏ xi măng lưới thép (kết cấu, ổn định, mạn khô, trang thiết bị)
9	Thẩm định thiết kế thân tàu khách chở dưới 50 người, vỏ thép (kết cấu, ổn định, mạn khô, trang thiết bị)
10	Thẩm định thiết kế thân tàu khách chở dưới 50 người, vỏ nhôm (kết cấu, ổn định, mạn khô, trang thiết bị)
11	Thẩm định thiết kế thân tàu khách chở dưới 50 người, vỏ chất dẻo cốt sợi thủy tinh (FRP) (kết cấu, ổn định, mạn khô, trang thiết bị)
12	Thẩm định thiết kế thân tàu chở dưới 50 người, tổng công suất máy chính dưới 135 cv vỏ xi măng lưới thép (kết cấu, ổn định, mạn khô, trang thiết bị)
13	Thẩm định thiết kế hoán cải tàu hàng khô, tàu khách đối với các loại vật liệu
14	Thẩm định thiết kế sửa đổi tàu hàng khô, tàu khách
15	Thẩm định thông báo ổn định cho tàu khách
16	Thẩm định thiết kế phần thân tàu hàng khô vỏ thép có trọng tải trên 2000 tấn (kết cấu, ổn định, mạn khô, trang thiết bị), trong đóng mới
17	Thẩm định thiết kế phần thân tàu của tàu dầu vỏ thép (kết cấu, ổn định, mạn khô, trang thiết bị tàu dầu loại II, tàu dầu loại I trong đóng mới)
18	Thẩm định thiết kế phần thân tàu của tàu cấp VR-SB trong đóng mới
19	Thẩm định thiết kế phần thân tàu của tàu chở khí hóa lỏng trong đóng mới
20	Thẩm định thiết kế phần thân tàu của tàu chở hàng nguy hiểm trong đóng mới
21	Thẩm định thiết kế phần thân tàu của tàu đệm khí trong đóng mới

TT	Chủ đề thực tập Phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 72:2013/BGTVT và các quy chuẩn kỹ thuật có liên quan
	Phần máy tàu
22	Thẩm định thiết kế phần máy chính của tàu hàng khô vỏ thép trong đóng mới
23	Thẩm định thiết kế phần máy phụ của tàu hàng khô vỏ thép trong đóng mới
24	Thẩm định thiết kế phần các hệ thống phục vụ của tàu hàng khô vỏ thép trong đóng mới
25	Thẩm định thiết kế phần điện của tàu hàng khô vỏ thép trong đóng mới
26	Thẩm định thiết kế phần phòng cháy, phát hiện cháy và chữa cháy của tàu hàng khô vỏ thép trong đóng mới
27	Thẩm định thiết kế phần máy chính của tàu hàng khô vỏ gỗ trong đóng mới (máy chính, máy phụ, điện, phòng cháy, phát hiện cháy và chữa cháy)
28	Thẩm định thiết kế phần máy chính của tàu hàng khô vỏ nhôm trong đóng mới (máy chính, máy phụ, điện, phòng cháy, phát hiện cháy và chữa cháy)
29	Thẩm định thiết kế phần máy chính của tàu hàng khô vỏ chất dẻo cốt sợi thủy tinh trong đóng mới (máy chính, máy phụ, điện, phòng cháy, phát hiện cháy và chữa cháy)
30	Thẩm định thiết kế phần máy chính của tàu hàng khô vỏ xi măng lưới thép trong đóng mới (máy chính, máy phụ, điện, phòng cháy, phát hiện cháy và chữa cháy)
31	Thẩm định thiết kế phần máy chính của tàu khách chở dưới 50 khách trong đóng mới (máy chính, máy phụ, điện, phòng cháy, phát hiện cháy và chữa cháy)
32	Thẩm định thiết kế phần máy chính của tàu khách chở dưới 50 khách trong đóng mới (máy chính, máy phụ, điện, phòng cháy, phát hiện cháy và chữa cháy) cho các loại vật liệu khác nhau gồm thép, nhôm, xi măng lưới thép, gỗ, FRP
33	Thẩm định thiết kế phần máy tàu, điện của tàu dầu vỏ thép (kết cấu, ổn định, mạn khô, trang thiết bị tàu dầu loại II, tàu dầu loại I trong đóng mới
34	Thẩm định thiết kế phần máy tàu, điện của tàu công trình (tàu cuốc, tàu hút) trong đóng mới
35	Thẩm định thiết kế phần máy tàu, điện của tàu kéo, tàu đẩy trong đóng mới
36	Thẩm định thiết kế máy tàu, điện của tàu khách chở từ 50 khách trở lên, cho các loại vật liệu thép, gỗ, FRP, nhôm trong đóng mới
37	Thẩm định thiết kế máy tàu, điện của tàu khách lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà hàng nổi, khách sạn nổi, cho các loại vật liệu thép, gỗ, FRP trong đóng mới

TT	Chủ đề thực tập
	Phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 72:2013/BGTVT và các quy chuẩn kỹ thuật có liên quan
38	Thẩm định thiết kế máy tàu, điện của tàu cấp VR-SB trong đóng mới
39	Thẩm định thiết kế máy tàu, điện của tàu đặt cầu trong đóng mới
40	Thẩm định thiết kế máy tàu, điện của tàu cao tốc trong đóng mới
41	Thẩm định thiết kế máy tàu của tàu hai thân trong đóng mới
42	Thẩm định thiết kế máy tàu, điện của tàu thể thao, vui chơi giải trí trong đóng mới
43	Thẩm định thiết kế phần phòng cháy, phát hiện cháy và chữa cháy cho các loại tàu dầu, tàu chở khách, tàu lưu trú du lịch ngủ đêm, nhà nổi, khách sạn nổi
44	Thẩm định Kế hoạch ứng cứu ô nhiễm dầu của tàu, Kế hoạch ứng cứu ô nhiễm của tàu do chở các chất lỏng độc hại
45	Thẩm định thiết kế sản phẩm công nghiệp
46	Thẩm định thiết kế phần máy tàu, điện, phòng cháy, phát hiện cháy và chữa cháy của tàu chở khí hóa lỏng trong đóng mới
47	Thẩm định thiết kế phần máy tàu, điện, phòng cháy, phát hiện cháy và chữa cháy của tàu chở hàng nguy hiểm trong đóng mới
48	Thẩm định thiết kế phần máy tàu, điện, phòng cháy, phát hiện cháy và chữa cháy của tàu đệm khí trong đóng mới

2.2.2 Thực tập thẩm định thiết kế sản phẩm công nghiệp

TT	Chủ đề thực tập
1	Máy lái điện, điện thủy lực, thủy lực
2	Máy kéo neo, tời
3	Thiết bị cứu sinh, cấp cứu
4	Hệ thống thiết bị cứu hỏa
5	Thiết bị nâng trên tàu

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BỔ SUNG

3.1. Đối tượng và chương trình đào tạo

a) Người tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp trở lên thuộc một trong các ngành điện tàu thủy, cơ khí, cơ khí động lực, cơ khí ô tô được đề nghị công nhận Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III kiểm tra vỏ tàu sau khi được đào tạo bổ sung chuyên môn theo chương trình 1 khoản 3.3 mục này.

b) Người tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp trở lên thuộc ngành điện tàu thủy, cơ khí, cơ khí động lực, cơ khí ô tô được đề nghị công nhận Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra hạng III kiểm tra máy và điện tàu sau khi được đào tạo bổ sung chuyên môn theo chương trình 3 khoản 3.3 mục này.

c) Đăng kiểm viên chuyên ngành máy tàu hạng III thuộc các ngành nêu ở các điểm b và c khoản 1 Điều 5 của Thông tư này được bổ sung kiểm tra vỏ tàu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 của Thông tư này sau khi được đào tạo bổ sung chuyên môn theo chương trình 1 khoản 3.3 mục này.

d) Đăng kiểm viên chuyên ngành vỏ tàu hạng III thuộc các ngành nêu ở các điểm b và c khoản 1 Điều 5 của Thông tư này được bổ sung kiểm tra máy và điện tàu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 của Thông tư này sau khi được đào tạo bổ sung chuyên môn theo chương trình 3 khoản 3.3 mục này.

đ) Đăng kiểm viên chuyên ngành máy tàu hạng III thuộc các ngành nêu ở điểm a khoản 1 Điều 5 của Thông tư này và Đăng kiểm viên chuyên ngành máy tàu hạng II, hạng I được bổ sung kiểm tra vỏ tàu theo quy định tại khoản 2 Điều 11, điểm b khoản 2 Điều 12 và điểm b khoản 2 Điều 13 của Thông tư này sau khi được đào tạo bổ sung chuyên môn theo chương trình 2 khoản 3.3 mục này.

e) Đăng kiểm viên chuyên ngành vỏ tàu hạng III thuộc các ngành nêu ở điểm a khoản 1 Điều 5 của Thông tư này và Đăng kiểm viên chuyên ngành vỏ tàu hạng II, hạng I được bổ sung kiểm tra máy và điện tàu theo quy định tại khoản 2 Điều 11, điểm b khoản 2 Điều 12 và điểm b khoản 2 Điều 13 của Thông tư này sau khi được đào tạo bổ sung chuyên môn theo chương trình 4 khoản 3.3 mục này.

3.2. Tổ chức, thực hiện đào tạo: Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức, giáo viên của các trường đại học thực hiện.

3.3. Nội dung chương trình đào tạo bổ sung và thời gian đào tạo

a) Chương trình 1 (đào tạo bổ sung chuyên môn để kiểm tra vỏ tàu đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN25: 2010/BGTVT, bao gồm: phương tiện chở hàng có động cơ có tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến dưới 50 sức ngựa, phương tiện chở người có sức chở từ 5 đến 12 người và có tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến dưới 50 sức ngựa).

TT	Nội dung	Thời gian (tiết)
1	Vẽ tàu	15
2	Tĩnh học tàu thủy	30
3	Bố trí chung và kỹ thuật tàu thủy	15
4	Động học tàu thủy 1	30
5	Kết cấu thân tàu thủy	30
6	Thiết bị tàu thủy	15
	Tổng cộng	135

b) Chương trình 2 (đào tạo bổ sung chuyên môn để kiểm tra vỏ tàu đối với phương tiện thủy nội địa chở hàng có trọng tải toàn phần dưới 200 tấn, phương tiện thủy nội địa có động cơ tổng công suất máy chính dưới 135 sức ngựa, phương tiện thủy nội địa có sức chở dưới 50 người (trừ phà có trọng tải toàn phần từ 50 tấn trở lên, tàu cấp VR-SB, tàu hai thân, tàu chở công te nơ, tàu có thiết bị nâng có sức nâng trên 01 tấn, tàu cao tốc, tàu đệm khí, tàu cánh ngầm, tàu dầu, tàu chở hóa chất nguy hiểm, tàu chở khí hóa lỏng).

TT	Nội dung	Thời gian (tiết)
1	Vẽ tàu	15
2	Tĩnh học tàu thủy	45
3	Bố trí chung và kỹ thuật tàu thủy	15
4	Động học tàu thủy 1	60
5	Kết cấu thân tàu thủy	45
6	Thiết bị tàu thủy	45
7	Đồ án kết cấu tàu thủy	15
8	Sức bền tàu thủy	30
	Tổng cộng	270

c) Chương trình 3 (đào tạo bổ sung chuyên môn để kiểm tra máy tàu và điện tàu đối với phương tiện thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN25: 2010/BGTVT, bao gồm: phương tiện chở hàng có động cơ có tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến dưới 50 sức ngựa, phương tiện chở người có sức chở từ 5 đến 12 người và có tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến dưới 50 sức ngựa).

TT	Nội dung	Thời gian (tiết)
1	Diesel tàu thủy	30
2	Máy phụ tàu thủy	30
3	Hệ thống đường ống	15
4	Điện tàu thủy	15
	Tổng cộng	90

d) Chương trình 4 (đào tạo bổ sung chuyên môn để kiểm tra máy tàu và điện tàu đối với phương tiện thủy nội địa chở hàng có trọng tải toàn phần dưới 200 tấn, phương tiện thủy nội địa có động cơ tổng công suất máy chính dưới 135 sức ngựa, phương tiện thủy nội địa có sức chở dưới 50 người (trừ phà có trọng tải toàn phần từ 50 tấn trở lên, tàu cấp VR-SB, tàu hai thân, tàu chở công te nơ, tàu có thiết bị

nâng có sức nâng trên 01 tấn, tàu cao tốc, tàu đệm khí, tàu cánh ngầm, tàu dầu, tàu chở hóa chất nguy hiểm, tàu chở khí hóa lỏng).

TT	Nội dung	Thời gian (tiết)
1	Diesel tàu thủy	30
2	Máy phụ tàu thủy	30
3	Hệ thống đường ống	30
4	Điện tàu thủy	30
5	Lắp ráp hệ thống động lực tàu thủy	45
6	Tự động điều chỉnh và điều khiển hệ thống động lực	45
	Tổng cộng	210

Phụ lục II
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN HOÀN THÀNH LỚP TẬP HUẤN NGHIỆP
VỤ ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
(Ban hành theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT
ngày 22 tháng 09 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)



GIẤY CHỨNG NHẬN
HOÀN THÀNH LỚP TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Ông (Bà):.....
Ngày, tháng, năm sinh:.....
Nơi sinh:.....
Đơn vị công tác:.....
Đã hoàn chương trình tập huấn:.....
Đơn vị tổ chức:

Thời gian:.....
Kết quả:

Hà Nội, ngày.....thángnăm.....

CỤC TRƯỞNG
(Ký tên & đóng dấu)

Số:

Phụ lục III

**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN/ CÔNG NHẬN LẠI/ CÔNG NHẬN
NÂNG HẠNG ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Ban hành theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT

ngày 22 tháng 09 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

**CÔNG NHẬN/ CÔNG NHẬN LẠI/ CÔNG NHẬN NÂNG HẠNG ĐĂNG
KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

Kính gửi:

1. Đơn vị đăng kiểm:
2. Địa chỉ:
3. Số điện thoại:.....Số Fax:
4. Đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam đánh giá để công nhận/công nhận lại/công nhận nâng hạng (*) Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa cho ông (bà):
5. Họ và tên:
6. Ngày tháng năm sinh:.....
7. Nơi sinh:.....
8. Quê quán:.....
9. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....
10. Hiện đang là Đăng kiểm viên (**):(đã hoàn thành chương tập huấn Giấy chứng nhận số.....(Đăng kiểm viên công nhận lần đầu, nâng hạng)/Giấy chứng nhận Đăng kiểm viên số(Đăng kiểm viên công nhận lại, nâng hạng)
11. Hạng Đăng kiểm viên đề nghị đánh giá công nhận:.....
12. Đăng kiểm viên thực hiện công tác kiểm tra đề nghị đánh giá công nhận lại/công nhận nâng hạng (*):
 - 12.1. Số lượng phương tiện đóng mới (chiếc) thực hiện trong thời gian giữ hạng (đối với Đăng kiểm viên đánh giá lại, nâng hạng) phân theo loại vật liệu đóng tàu:

Thép	Nhôm	Gỗ	Chất dẻo cốt sợi thủy tinh	Xi măng lưới thép	Khác

- 12.2. Số lượng phương tiện đang khai thác (chiếc) thực hiện trong thời gian giữ hạng (đối với Đăng kiểm viên đánh giá lại, nâng hạng) phân theo loại vật liệu đóng tàu và loại hình kiểm tra:

Loại hình kiểm tra	Số phương tiện phân theo vật liệu đóng tàu					
	Thép	Nhôm	Gỗ	Chất dẻo cốt sợi thủy tinh (FRP)	Xi măng lưới thép	Khác
Định kỳ						
Trên đà						
Trung gian						
Hàng năm						
Bất thường						

13. Đăng kiểm viên thẩm định thiết kế đề nghị đánh giá công nhận lại/bổ sung phạm vi thực hiện (*):

13.1. Số lượng thiết kế (chiếc) thực hiện trong thời gian giữ hạng:

Đối tượng thẩm định	Loại hình thẩm định thiết kế				
	Đóng mới	Hoán cải	Sửa đổi	Lập hồ sơ	Mẫu định hình

13.2 Số lượng thiết kế sản phẩm công nghiệp được thẩm định (Ghi cụ thể số lượng)

Xin gửi kèm các hồ sơ:

.....

Đơn vị đăng kiểm
(Ký tên & đóng dấu)

- (*) gạch bỏ những phần không thích hợp.

- (***) Ghi: Đăng kiểm viên thực tập hoặc hạng Đăng kiểm viên đang giữ

Phụ lục IV
MẪU LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN
CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT
ngày 22 tháng 09 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN
Phần I
TỰ THUẬT VỀ BẢN THÂN

Họ và tên: Nam, Nữ:.....

Ngày tháng, năm sinh: Nơi sinh:.....

Dân tộc..... Tôn giáo:.....

Chỗ ở hiện nay:

Đơn vị công tác:.....

Chức danh hiện giữ:.....

Trình độ: + Chuyên môn:.....

+ Ngoại ngữ:

Đã được đào tạo bổ sung những chuyên ngành khác:

1. Vô tàu thủy 2. Máy, điện tàu thủy 3. Vô tuyến điện

Đã hoàn thành chương trình đào tạo nghiệp vụ Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng:.....do Cục Đăng kiểm Việt Nam tổ chức từ ngày.....đến ngày...../...../..... tại.....

Kết quả đạt loại.....

Quá trình công tác chuyên môn, nghiệp vụ

TT	Chức danh	Chức vụ	Thời gian		Đơn vị công tác
			Từ	Đến	

1. Đào tạo nghiệp vụ

Tên khóa đào tạo	Địa điểm	Nơi đào tạo	Thời gian (từ---đến)	Kết quả

2. Khen thưởng kỷ luật:

TT	Hình thức khen thưởng, kỷ luật	Ngày ra quyết định	Thời hạn kỷ luật	Cơ quan ra quyết định khen thưởng, kỷ luật

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ BẢN THÂN

Đối chiếu với tiêu chuẩn Đảng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng.....
tôi tự xác định như sau:

Về phẩm chất đạo đức..... Về chuyên môn.....

Về trình độ ngoại ngữ..... Về trình độ nghiệp vụ Đảng kiểm.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng, nếu có gì sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Xác nhận của đơn vị

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục V
MẪU BÁO CÁO THỰC TẬP
CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN
(Ban hành theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT
ngày 22 tháng 09 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO THỰC TẬP HÀNG NGÀY

Nơi thực tập:.....
Đăng kiểm viên thực tập:.....
Đăng kiểm viên hướng dẫn:.....

Địa điểm và thời gian:.....

Tên tàu:

Loại tàu:.....

I- Nội dung thực hiện của Đăng kiểm viên thực tập: *(Bao gồm cả lý thuyết và thực hành)*

1- Hạng mục kiểm tra/nội dung đào tạo:
.....
.....

2- Quy phạm, tiêu chuẩn, hướng dẫn áp dụng *(Ghi rõ mục, điều, chương)*:
.....
.....

3- Kết quả kiểm tra *(tốt/đạt/chưa đạt-Nêu lý do đưa ra kết quả-cách khắc phục những khiếm khuyết nếu có)*:
.....
.....

II- Đánh giá của Đăng kiểm viên hướng dẫn:

1- Quy phạm, tiêu chuẩn, hướng dẫn áp dụng *(phù hợp/chưa phù hợp)*:
.....

2- Nhận xét thực hành nhiệm vụ của Đăng kiểm viên thực tập *(tốt, đạt, chưa đạt)*:
.....

3- Yêu cầu Đăng kiểm viên thực tập cần thực hiện:
.....
.....

Giám đốc/Phó giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng kiểm viên hướng dẫn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng kiểm viên thực tập
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC TẬP

Họ và tên Đảng kiểm viên thực tập:..... Đơn vị đăng kiểm.....

Họ và tên Đảng kiểm viên hướng dẫn: Hạng Đảng kiểm viên

Thời gian thực tập từ ngày..... đến ngày tại:.....

I. Nội dung và quá trình thực tập

TT	Chủ đề thực tập	Ngày thực hiện	Kết quả
1			
2			
3			
4			
5			
6			
7			
....			
...			

II. Đánh giá chung quá trình thực tập

1. Tự nhận xét của Đảng kiểm viên thực tập:

(Ghi rõ những nội dung đã làm được, những nội dung chưa làm được và kiến nghị)

.....
.....
.....

2. Nhận xét chung của Đảng kiểm viên hướng dẫn:

(về tính cẩn thận, khả năng tiếp thu, kết quả đào tạo thực hành của học viên, những học viên có khả năng làm độc lập và những kiến nghị)

.....
.....
.....

III. Nhận xét của Thủ trưởng đơn vị đăng kiểm hướng dẫn:

(Nhận xét theo khả năng, trình độ của học viên)

.....
.....
.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đảng kiểm viên hướng dẫn

Thủ trưởng đơn vị đăng kiểm hướng dẫn
(Ký tên & đóng dấu)

PHỤ LỤC VI

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC TẾ NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT

ngày 22 tháng 09 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 1

BIÊN BẢN

KIỂM TRA THỰC TẾ NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ ĐĂNG KIỂM VIÊN KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Hôm nay, ngày tháng năm

Tại:

Căn cứ quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa, Đăng kiểm viên kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa của Cục Đăng kiểm Việt Nam gồm:

- Ông Chức vụ:

- Ông Chức vụ:

Đã tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm của Ông chuyên môn

hiện là Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng/Thực tập.....

được đơn vị:

đề nghị công nhận mới , công nhận lại , công nhận nâng hạng đăng kiểm viên kiểm tra chuyên ngành vỏ tàu/máy tàu

I. Nội dung đánh giá và kết quả đánh giá

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
1. Quy định về nghiệp vụ			
1.1		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1.2		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1.3		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Kiểm tra thực tế tàu đóng mới, sửa chữa theo QCVN 25:2010/BGTVT			
2.1	Công tác chuẩn bị kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2	Thực hiện kiểm tra tàu:		
2.2.1	Kiểm tra đóng mới, sửa chữa.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.2	Sao thẩm định mẫu:.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.3	Lập biên bản kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
3. Kiểm tra thực tế tàu đóng mới, sửa chữa theo QCVN 72:2013/BGTVT			
3.1	Công tác chuẩn bị kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2	Thực hiện kiểm tra:		
3.2.1	Kiểm tra đóng mới, sửa chữa:.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2.2	Thẩm định thiết kế thi công:.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2.3	Thẩm định thiết kế hoàn công:.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.3	Lập biên bản kiểm tra.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Kiểm tra thực tế tàu đang khai thác theo QCVN 25:2010/BGTVT			
4.1	Công tác chuẩn bị cho việc kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.2	Thực hiện kiểm tra:		
4.2.1	Kiểm tra trên đà:.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.2.2	Kiểm tra hàng năm:.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.2.3	Kiểm tra bất thường:.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.3	Lập biên bản kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5. Kiểm tra thực tế tàu đang khai thác theo QCVN 72:2013/BGTVT			
5.1	Công tác chuẩn bị cho việc kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.2	Thực hiện kiểm tra:		
5.2.1	Kiểm tra định kỳ:.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.2.2	Kiểm tra trên đà:.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.2.3	Kiểm tra trung gian:.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.2.4	Kiểm tra hàng năm:.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.2.5	Kiểm tra bất thường:.....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.3	Lập biên bản kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6. Lập cấp hồ sơ đăng kiểm			
6.1	Sử dụng chương trình quản lý phương tiện thủy nội địa trên máy tính	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.2	Lập hồ sơ đăng kiểm cho phương tiện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.3	Lập các báo cáo giám sát của đơn vị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

II. Lý do không đạt (nếu có, ghi rõ các lỗi)

.....

III. Yêu cầu sau kiểm tra

.....

Cuộc kiểm tra, đánh giá năng lực Đăng kiểm viên kết thúc vào hồi giờ ... ngày Biên bản này lập thành 02 bản, ... bản lưu tại đơn vị, bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM
(Lãnh đạo đơn vị ký tên, đóng dấu)

**NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN
ĐĂNG KIỂM VIÊN**
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

**ĐĂNG KIỂM VIÊN
KIỂM TRA**
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

BIÊN BẢN
KIỂM TRA THỰC TẾ NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ
ĐĂNG KIỂM VIÊN KIỂM TRA SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP
DÙNG CHO PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Hôm nay, ngày tháng năm

Tại:

Căn cứ quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa, Đăng kiểm viên kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa của Cục Đăng kiểm Việt Nam gồm:

- Ông Chức vụ:
- Ông Chức vụ:

Đã tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm của Ông chuyên môn

hiện là Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng/Thực tập.....

được đơn vị:

đề nghị công nhận kiểm tra sản phẩm công nghiệp lần đầu

I. Nội dung đánh giá và kết quả đánh giá

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
1. Quy định về nghiệp vụ			
1.1		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1.2		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1.3		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Kiểm tra sản phẩm công nghiệp lần đầu			
2.1	Công tác chuẩn bị kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2	Thực hiện kiểm tra sản phẩm công nghiệp:		
2.2.1	Kiểm tra máy chính, máy phụ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.2	Kiểm tra nồi hơi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.3	Kiểm tra bình chịu áp lực	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.4	Kiểm tra chứng nhận quy trình hàn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.5	Kiểm tra thử không phá hủy	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.6	Kiểm tra thợ hàn	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.7	Kiểm tra thiết bị nâng	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.8	Kiểm tra máy neo, lái, tời (điện, diesel, thủy lực)	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.9	Kiểm tra neo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.10	Kiểm tra chân vịt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.11	Kiểm tra hệ trục chân vịt	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
2.2.12	Kiểm tra xích, cáp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.13	Kiểm tra vật liệu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.14	Kiểm tra thiết bị cứu sinh	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.15	Kiểm tra thiết bị cứu hỏa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.16	Kiểm tra thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.17	Kiểm tra công nhận phòng thí nghiệm, trạm thử	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.3	Lập biên bản kiểm tra	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Lập cấp hồ sơ đăng kiểm			
3.1	Sử dụng chương trình quản lý phương tiện thủy nội địa trên máy tính	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2	Lập hồ sơ đăng kiểm cho sản phẩm công nghiệp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.3	Lập các báo cáo	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

II. Lý do không đạt (nếu có, ghi rõ các lỗi)

.....

III. Yêu cầu sau kiểm tra

.....

Cuộc kiểm tra, đánh giá năng lực Đăng kiểm viên kết thúc vào hồi giờ ... ngày Biên bản này lập thành 02 bản, ... bản lưu tại đơn vị, bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM
(Lãnh đạo đơn vị ký tên, đóng dấu)

**NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ
 CÔNG NHẬN
 ĐĂNG KIỂM VIÊN**
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

**ĐĂNG KIỂM VIÊN
 KIỂM TRA**
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

BIÊN BẢN
KIỂM TRA THỰC TẾ NĂNG LỰC THỰC HÀNH NGHIỆP VỤ
ĐĂNG KIỂM VIÊN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Hôm nay, ngày tháng năm

Tại:

Căn cứ quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa, Đăng kiểm viên kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa của Cục Đăng kiểm Việt Nam gồm:

- Ông Chức vụ:

- Ông Chức vụ:

Đã tiến hành kiểm tra thực tế năng lực thực hành nghiệp vụ đăng kiểm của Ông chuyên môn

hiện là Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa hạng/Thực tập.....

được đơn vị:

đề nghị công nhận đăng kiểm viên thẩm định thiết kế theo chuyên môn

I. Nội dung đánh giá và kết quả đánh giá

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
1. Quy định về nghiệp vụ			
1.1		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1.2		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1.3		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
....	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2. Kiểm tra thẩm định thiết kế phương tiện theo QCVN 25:2010/BGTVT			
2.1	Công tác chuẩn bị thẩm định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2	Thực hiện thẩm định thiết kế:		
2.2.1	Thực hiện thẩm định thiết kế đóng mới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.2	Thực hiện thẩm định thiết kế lập hồ sơ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.3	Thực hiện thẩm định thiết kế hoán cải	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.2.4	Thẩm định mẫu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.3	Lập hồ sơ thẩm định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3. Kiểm tra thẩm định thiết kế phương tiện theo QCVN 72:2013/BGTVT			
3.1	Công tác chuẩn bị thẩm định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2	Thực hiện thẩm định thiết kế:		
3.2.1	Thực hiện thẩm định thiết kế đóng mới	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2.2	Thực hiện thẩm định thiết kế lập hồ sơ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2.3	Thực hiện thẩm định thiết kế hoán cải	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.2.4	Thẩm định thiết kế sửa đổi	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ	
		Đạt	Không đạt
3.3	Lập hồ sơ thẩm định	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4. Lập cấp hồ sơ đăng kiểm			
4.1	Sử dụng chương trình quản lý phương tiện thủy nội địa trên máy tính	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.2	Lập hồ sơ thẩm định cho phương tiện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.3	Lập các báo cáo của đơn vị	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

II. Lý do không đạt (nếu có, ghi rõ các lỗi)

.....

III. Yêu cầu sau kiểm tra

.....

Cuộc kiểm tra, đánh giá năng lực Đăng kiểm viên kết thúc vào hồi...giờ ... ngày Biên bản này lập thành 02 bản, ... bản lưu tại đơn vị, bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam

ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM
(Lãnh đạo đơn vị ký tên, đóng dấu)

**NGƯỜI ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ
CÔNG NHẬN
ĐĂNG KIỂM VIÊN**
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

**ĐĂNG KIỂM VIÊN
KIỂM TRA**
(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Phụ lục VII
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỆM VIÊN
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

(Ban hành theo Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT
ngày 22 tháng 09 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KIỆM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN:

Ông (Bà):

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi sinh:

Đơn vị:

Được công nhận là: Đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa

Được phép thực hiện những loại kiểm tra ghi trong Phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến hết ngày

CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Số:

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

PHỤ LỤC

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA HẠNG III**

Số

Họ và tên : Chuyên ngành :

Đơn vị : Ngày cấp phụ lục:

Chúng nhận rằng Đăng kiểm viên có tên trên được phép thực hiện:

I – Đối tượng và loại hình kiểm tra theo chuyên ngành

1.1 Đối tượng kiểm tra: Phương tiện thủy nội địa thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN25:2010/BGTVT, bao gồm: phương tiện chở hàng khô có chiều dài dưới 20 m, phương tiện lắp máy có tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến dưới 50 sức ngựa, phương tiện chở từ 5 đến 12 người và có tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến dưới 50 sức ngựa (nêu cụ thể đối tượng nếu cần).

Loại hình kiểm tra: Đánh dấu (x)

Đóng mới/lần đầu	Chu kỳ			Sao thẩm định mẫu
	Trên đà	Hàng năm	Bất thường	

1.2 Đối tượng kiểm tra: Phương tiện thủy nội địa chở hàng khô có trọng tải dưới 200 tấn, tổng công suất máy chính dưới 135 sức ngựa, các tàu công trình có chiều dài dưới 10 m, phương tiện thủy nội địa chở dưới 50 người tổng công suất máy chính dưới 135 sức ngựa (trừ phà có trọng tải từ 50 tấn trở lên, tàu cấp VR-SB, tàu hai thân, tàu chở công te nơ, tàu cao tốc, tàu cánh ngầm, tàu đệm khí, tàu dầu, tàu chở hóa chất nguy hiểm, tàu chở khí hóa lỏng (nêu cụ thể đối tượng nếu cần).

Loại hình kiểm tra: Đánh dấu (x)

Đóng mới/lần đầu	Chu kỳ				thiết kế	
	Định kỳ	Trên đà	Hàng năm	Bất thường	Thi công	Hoàn công

II – Kiểm tra theo chuyên ngành được đào tạo bổ sung: (có hoặc không)

CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

PHỤ LỤC

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA HẠNG I**

Số

Họ và tên: Chuyên ngành:

Đơn vị: Ngày cấp phụ lục:

Chứng nhận rằng Đăng kiểm viên có tên trên được phép thực hiện:

I – Đối tượng và loại hình kiểm tra theo chuyên ngành

1.1 Đối tượng kiểm tra: Phương tiện thủy nội địa thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN25:2010/BGTVT bao gồm: phương tiện chở hàng khô có chiều dài dưới 20 m, phương tiện lắp máy có tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến dưới 50 sức ngựa, phương tiện chở từ 5 đến 12 người và có tổng công suất máy chính từ 5 sức ngựa đến dưới 50 sức ngựa (nêu cụ thể đối tượng nếu cần).

Loại hình kiểm tra: Đánh dấu (x)

Đóng mới/lần đầu	Chu kỳ			Sao thẩm định mẫu
	Trên đà	Hàng năm	Bất thường	

1.2 Đối tượng kiểm tra: Các loại phương tiện thủy nội địa không nêu tại 1.1 (nêu cụ thể đối tượng nếu cần)

Loại hình kiểm tra: Đánh dấu(x)

Đóng mới/lần đầu	Chu kỳ					Thiết kế	
	Định kỳ	Trên đà	Trung gian	Hàng năm	Bất thường	Thi công	Hoàn công

II – Kiểm tra theo chuyên ngành đào tạo bổ sung: (có hoặc không)

III - Đối tượng và loại hình kiểm tra sản phẩm công nghiệp

Máy chính, phụ Nồi hơi Bình chịu áp lực

Chứng nhận quy trình hàn Thử không phá hủy Kiểm tra thợ hàn

Thiết bị nâng Máy neo, lái, tời (điện, diesel, thủy lực) Neo

Chân vịt Hệ trục chân vịt Xích, cáp Vật liệu

Thiết bị cứu sinh Thiết bị cứu hỏa Thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm tàu

Phòng thí nghiệm, trạm thử

CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

CỤC ĐĂNG KÍỂM VIỆT NAM

PHỤ LỤC
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÍỂM VIÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA
THỰC HIỆN CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
Số

Họ và tên : Chuyên môn:

Đơn vị: Ngày cấp phụ lục:

Chúng nhận rằng Đăng kiểm viên có tên trên được phép thực hiện thẩm định thiết kế theo chuyên môn:

I – Phương tiện thủy nội địa

Các loại phương tiện (Ghi cụ thể loại phương tiện).

Loại hình thẩm định: Đánh dấu (x)

Phương tiện thẩm định	Loại hình thẩm định thiết kế				
	Đóng mới	Hoán cải	Sửa đổi	Lập hồ sơ	Mẫu định hình

II – Sản phẩm công nghiệp (Ghi cụ thể đối tượng)

CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)